**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG   
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**KHOA THỐNG KÊ – TIN HỌC**



**BÁO CÁO THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP**

**TÊN ĐỀ TÀI BÁO CÁO**

**PHÂN HỆ BÁN HÀNG Ở CÔNG TY BYS**

Sinh viên: Lê Dương Phương Anh

Lớp: 44K21.2

Giáo viên hướng dẫn: Cô Cao Thị Nhâm

***Đà Nẵng, 10/7/2021***

# LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

[LỜI CAM ĐOAN 1](#_Toc76799364)

[DANH MỤC BẢNG BIỂU 3](#_Toc76799365)

[CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN LÝ THUYẾT 1](#_Toc76799366)

[1.1 ERP là gì? 1](#_Toc76799367)

[1.2 Dữ liệu nguồn (Master Data) 1](#_Toc76799368)

[1.3 Phân hệ bán hàng 5](#_Toc76799369)

[1.4 Phân hệ mua hàng 5](#_Toc76799370)

[1.5 Phân hệ sản xuất 6](#_Toc76799371)

[CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ 8](#_Toc76799372)

[CHƯƠNG 3. TRIỂN KHAI ERP 9](#_Toc76799373)

[CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN 10](#_Toc76799374)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 11](#_Toc76799375)

[PHỤ LỤC 12](#_Toc76799376)

# DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

# TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

## ERP là gì?

**Hệ thống ERP** (Enterprise resource planning systems): là một loại giải pháp phần mềm quản lý đa chức năng, đa phòng ban giúp một doanh nghiệp, một tổ chức có thể sử dụng để thu thập, lưu trữ, quản lý và phân tích dữ liệu từ hoạt động kinh doanh của mình, bao gồm lập kế hoạch về sản phẩm, chi phí, sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ, tiếp thị và bán hàng, giao hàng và thanh toán.

## Dữ liệu nguồn (Master Data)

Được hiểu là cơ sở để lên các chứng từ của các quy trình bán hàng, mua hàng, sản xuất, kế toán, nhân sự... cho Doanh nghiêp, là cơ sở để theo dõi và ghi nhận công nợ, theo dõi lịch sử... các hoạt động chung của Doanh nghiệp.

* **Các dữ liệu nguồn bao gồm:**
* Dữ liệu nguồn Khách hàng
* Dữ liệu nguồn Nhà cung cấp
* Dữ liệu nguồn Sản phẩm (Thành phẩm)
* Dữ liệu nguồn Nguyên liệu
* Dữ liệu nguồn Sơn
* Dữ liệu nguồn Điều khoản thanh toán
* Dữ liệu nguồn Điều khoản thanh toán
* Dữ liệu nguồn Bảng giá nhà cung cấp
* Dữ liệu nguồn Quy trình sơn
* Dữ liệu nguồn Phòng ban - Bộ phận - Tổ nhân công
* Dữ liệu nguồn Xưởng - Chuyền - Tổ Máy
* Dữ liệu nguồn Công đoạn
* Dữ liệu nguồn Quy trình sản xuất (mẫu)
* Dữ liệu nguồn Quy trình sản xuất (mẫu)
* Quản lý Dữ liệu nguồn BTP và vật tư thay thế
* Quản lý Bảng định mức
* **Master data khách hàng:**
* Module master data khách hàng dùng để quản lý các thông tin của khách hàng, gồm các thông tin chung của khách hàng, thông tin trung gian bán hàng/ người mua hàng, thông tin giao dịch, địa chỉ giao chứng từ, thông tin bên nhận hàng, thông tin báo hàng đến, danh sách liên hệ và thông tin người giới thiệu khách hàng cho Doanh nghiệp.
* Các thông tin chính trong module này là: cơ sở lên các chứng từ của các quy trình mua hàng, bán hàng và sản xuất cho Doanh nghiệp. Ngoài ra, các thông tin này cũng là cơ sở theo dõi công nợ, theo dõi lịch sử bán hàng
* **Master data Nhà cung cấp:**
* Module nhà cung cấp dùng để quản lý các thông tin của nhà cung cấp, gồm thông tin chung thông tin giao dịch của nhà cung cấp và giúp doanh nghiệp quản lý danh sách người liên hệ với nhà cung cấp.
* Các thông tin được quản lý ở module này là cơ sở để thực hiện các chứng từ của các quy trình mua hàng; bán hàng; và sản xuất của doanh nghiệp.

**Master data Sản phẩm (Thành phẩm)**

* Module sản phẩm (thành phẩm) dùng để quản lý các thông tin của sản phẩm (thành phẩm),

gồm thông tin chung của sản phẩm (thành phẩm), thuộc tính, đơn vị tính và giá, thông tin số

lượng cont, thông tin đóng thùng của sản phẩm (thành phẩm). Bên cạnh đó còn giúp doanh

nghiệp quản lý được những thông tin về công việc-vật tư-MMTB-Task, đơn vị tính quy đổi, khu vực, chi nhánh và thành phần (đối với sản phẩm bộ) của sản phẩm (thành phẩm).

* Các thông tin được quản lý ở module này là cơ sở để thực hiện các chứng từ của các quy trình mua hàng; bán hàng; và sản xuất của doanh nghiệp. Ngoài ra, các thông tin này cũng là cơ sở để doanh nghiệp quản lý số lượng tồn kho của sản phẩm (thành phẩm).

**Master data nguyên liệu:**

* Module nguyên liệu dùng để quản lý các thông tin của nguyên liệu, gồm thông tin chung của nguyên liệu, thuộc tính, đơn vị tính và giá của nguyên liệu. Bên cạnh đó còn giúp doanh nghiệp quản lý được những thông tin về Tài khoản-Kho-NL thay thế, đơn vị tính quy đổi, dung sai của nguyên liệu.
* Các thông tin được quản lý ở module này là cơ sở để thực hiện các chứng từ của các quy trình mua hàng; bán hàng; và sản xuất của doanh nghiệp. Ngoài ra, các thông tin này cũng là cơ sở để doanh nghiệp quản lý số lượng tồn kho của nguyên liệu.

**Master data Sơn**

**Các thông tin được quản lý ở module sơn gồm có:**

* Thông tin chung của sản phẩm sơn: Mã và tên của sản phẩm sơn.
* Thông tin thuộc tính của sản phẩm sơn: Thuộc tính khác, Thời gian hoàn thành, Loại
* mua hàng.
* Thông tin đơn vị tính và giá: Giá bán, Giá mua, Thuế, Đơn vị tính, Phương pháp tính
* giá.
* Thông tin tài khoản: Nhóm tài khoản, Tài khoản tồn kho, Tài khoản doanh thu, Tài

khoản giá vốn.

* Thông tin kho: Số lượng tối thiểu, Số lượng tối đa.
* Thông tin đơn vị tính quy đổi và dung sai của sản phẩm sơn.

Các thông tin này là cơ sở để thực hiện các chứng từ trong nghiệp vụ mua hàng; bán hàng; kho và sản xuất của doanh nghiệp.

**Master data bảng giá NCC:**

* Module bảng giá nhà cung cấp dùng để lập bảng giá chi tiết cho các sản phẩm theo thời gian áp dụng, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, loại tiền tệ mà nhà cung cấp phát hành. Thực hiện Duyệt bảng giá nhà cung cấp nếu đưa vào áp dụng cho giá mua của các sản phẩm có trong bảng giá.
* Bảng giá nhà cung cấp dùng để làm cơ sở cho đơn giá mua sản phẩm tại Đơn mua hàng theo thời gian có hiệu lực của bảng giá nhà cung cấp, đơn vị tính, số lượng và loại tiền tệ của sản phẩm trong bảng giá.

**Master data Quy trình sơn:**

* Module này dùng để quản lý những Quy trình sơn được áp dụng cho nhiều TP/BTP của đơn vị.
* Những Quy trình sơn được thêm vào và quản lý tại đây sẽ được sử dụng để giúp khai báo Định mức Sơn của TP/BTP khi làm BĐM (tại Module Bảng định mức).

**Master data Phòng ban- Bộ phận- Tổ nhân công:**

* Module này dùng để quản lý cơ cấu tổ chức cũng như nguồn lực nhân sự phục vụ cho các hoạt động của doanh nghiệp.
* Đối với hoạt động sản xuất, những thông tin này sẽ được sử dụng như nguồn lực để thực hiện các công việc sản xuất (tại Kế hoạch sản xuất Chi tiết và Thẻ giao việc).

**Master data Xưởng- Chuyền- Tổ máy:**

* Module này dùng để quản lý nguồn lực vật lý phục vụ sản xuất (Xưởng - Chuyển - Tổ máy) có trong doanh nghiệp.
* Những thông tin được thêm vào và quản lý ở module này sẽ được dùng để xác định nơi và nguồn lực khi thực hiện sản xuất TP/BTP**.**

**Master nguồn công đoạn:**

Module này được dùng để quản lý tất cả những Công đoạn được sử dụng trong các Quy trình sản xuất của đơn vị. Những công đoạn được thêm vào và quản lý tại đây sẽ được sử dụng tại các

Module phục vụ sản xuất khác trong phần mềm (Quy trình sản xuất, Bảng định mức ...).

**Master Quy trình sản xuất**

Module này dùng để quản lý những Quy trình sản xuất (mẫu) được áp dụng cho nhiều TP/BTP của đơn vị. Những QTSX được thêm vào và quản lý tại đây sẽ được sử dụng để giúp khai báo nhanh QTSX của TP/BTP khi làm BĐM (tại Module Bảng định mức).

**Master Quản lý BTP và vật tư thay thế:**

Module này dùng để quản lý những danh mục BTP và vật tư có thể thay thế cho nhau trong quá trình sản xuất. Những thông tin được thêm vào và quản lý tại đây sẽ được dùng khi hoạch định sử dụng NPL/BTP thực hiện sản xuất

**Master Bảng định mức:**

Module này dùng để quản lý Định mức Bán thành phẩm/Nguyên phụ liệu cũng như Quy trình để sản xuất ra một sản phẩm hoàn thiện.

Nguyên phụ liệu bao gồm: Nguyên liệu chính, Hardware, Sơn, Phụ liệu đóng gói và những vật tư khác.

Những Bảng định mức sau khi được duyệt sẽ sử dụng để chạy Lệnh sản xuất.

## Phân hệ bán hàng

* **Quy trình bán hàng sản phẩm (Thành phẩm):**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ bán các sản phẩm được sản xuất tại doanh nghiệp (thành phẩm). Từ thời điểm khách hàng phát sinh nhu cầu mua cho đến khi thực hiện giao hàng và thu tiền của khách.

* **Quy trình bán hàng dịch vụ**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ bán dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp. Từ thời điểm khách hàng phát sinh nhu cầu mua cho đến khi cung cấp dịch vụ và thu tiền của khách.

* **Quy trình bán hàng các sản phẩm khác:**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ bán các sản phẩm (Nguyên liệu; Hardware; Sơn; Phụ liệu đóng gói; …) mà doanh nghiệp có. Từ thời điểm khách hàng phát sinh nhu cầu mua cho đến khi thực hiện giao hàng và thu tiền của khách

* **Quy trình hàng bán trả lại**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ hàng bán trả lại cho doanh nghiệp. Từ thời điểm khách hàng phát sinh nhu cầu trả hàng cho đến khi nhận hàng trả lại và trả lại tiền cho khách hàng (nếu có

* **Quy trình chi phí bán hàng:**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình thực hiện bán hàng. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu ghi nhận chi phí bán hàng đến khi thực hiện thanh toán tiền cho nhà cung cấp.

## Phân hệ mua hàng

* **Quy trình mua hàng nội địa**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ mua hàng nội địa các sản phẩm doanh nghiệp cần. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu mua cho đến khi thực hiện nhận hàng và trả tiền cho nhà cung cấp

* **Quy trình mua hàng nhập khẩu**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ mua hàng nhập khẩu các sản phẩm doanh nghiệp cần. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu mua cho đến khi thực hiện nhận hàng và trả tiền cho nhà cung cấp.

* **Quy trình mua hàng dịch vụ**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ mua dịch vụ doanh nghiệp cần. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu mua cho đến khi nhận được dịch vụ và trả tiền cho nhà cung cấp.

* **Quy trình mua hàng gia công nguyên liệu:**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ mua hàng gia công ngoài nguyên liệu (Cưa, xẻ, sấy, …) của doanh nghiệp. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu đi gia công ngoài nguyên liệu cho đến khi thực nhận hàng gia công về và trả tiền cho nhà cung cấp

* **Quy trình hủy đề nghị mua hàng**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ hủy phiếu đề nghị mua hàng các sản phẩm đã được thực hiện đề nghị mua hàng. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu hủy cho đến khi thực hiện hoàn tất hủy đề nghị mua hàng.

* **Quy trình hủy đơn mua hàng**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ hủy đơn mua hàng các sản phẩm đã được thực hiện đơn mua hàng. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu hủy cho đến khi thực hiện hoàn tất hủy đơn hàng.

* **Quy trình trả hàng nhà cung cấp**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ trả hàng lại cho nhà cung cấp. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu trả hàng cho đến khi trả lại hàng và nhận lại tiền hàng đã trả từ nhà cung cấp (nếu có)

* **Quy trình chi phí mua hàng:**

Quy trình này mô tả khái quát luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ chi phí mua hàng phát sinh trong quá trình thực hiện mua hàng. Từ thời điểm doanh nghiệp phát sinh nhu cầu ghi nhận chi phí mua hàng đến khi thực hiện thanh toán tiền cho nhà cung cấp.

## Phân hệ sản xuất

* **Quy trình sản xuất tổng quát:**

Quy trình này mô tả tổng quan luồng hoạt động, dòng chảy dữ liệu của quy trình sản xuất tổng quát tại doanh nghiệp. Từ thời điểm tiếp nhận yêu cần sản xuất cho đến khi hoàn thành sản xuất, nhập kho sản phẩm.

* **Quy trình lập bảng định mức:**

Quy trình này mô tả chi tiết hoạt động, dòng chảy dữ

liệu của việc quản lý bảng định mức của sản phẩm (BTP, nguyên phụ liệu, quy trình sản xuất, ...) tại doanh nghiệp. Từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu lập bảng định mức cho đến khi hoàn thành định mức cho sản phẩm.

* **Quy trình lập lệnh sản xuất:**

Quy trình này mô tả chi tiết hoạt động, dòng chảy dữ liệu

của nghiệp vụ lập lệnh sản xuất để thực hiện sản xuất tại doanh nghiệp. Từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu lập đề nghị sản xuất cho đến khi hoàn thành duyệt lệnh sản xuất.

* **Quy trình kế hoạch sản xuất chi tiết:**

Quy trình này mô tả chi tiết hoạt động, dòng chảydữ liệu của nghiệp vụ kế hoạch sản xuất chi tiết ghi nhận năng suất – ghi nhận số lượng nhập kho (chi tiết các công việc theo thời gian, xác định công việc cần làm, gán nhân công, máy móc, năng xuất thực hiện, ghi nhận số lượng BTP/TP nhập kho...) để thực hiện sản xuất tại doanh nghiệp. Từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu lập kế hoạch sản xuất chi tiết cho đến khi hoàn thành ghi nhân năng suất và số lượng TP nhập kho.

* **Quy trình cấp phát nguyên phụ liệu/bán thành phẩm:**

Quy trình này mô tả chi tiết hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ cấp phát và thu hồi nguyên phụ liệu/bán thành phẩm tồn kho (thời gian cấp phát, người nhận, số lượng/khối lượng cấp phát, ...) để thực hiện sản xuất tại doanh nghiệp. Từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu lập kế hoạch sử dụng NPL cho đến khi hoàn thành xuất kho NPL/BTP hoặc nhập kho dư thừa/đổi trả

NPL.

* **Quy trình gia công ngoài bán thành phẩm/thành phẩm:**

Quy trình này mô tả chi tiết hoạt động, dòng chảy dữ liệu của nghiệp vụ gia công ngoài BTP/TP (thời gian gia công, số lượng BTP/TP, công đoạn gia công, ...) của doanh nghiệp. Từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu gia công cho đến khi hoàn thành Nhập kho mua hàng gia công để tiếp tục thực hiện sản xuất.

# PHÂN TÍCH QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ

Tìm hiểu về tài liệu quy trình nghiệp vụ của công ty mình định triển khai (Flowchart, diễn tả bằng lời, Sơ đồ ngữ cảnh)

# TRIỂN KHAI ERP

So sánh sự khác nhau giữa quy trình công ty và quy trình trong phần mềm ERP, từ đó đề xuất những phần cần sửa đổi. Trình bày những phần của phần mềm cần thay đổi

# KẾT LUẬN

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

# PHỤ LỤC